

Số: 398/TB-VLB

Bình Chánh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 13339/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông báo số: 2340/TB-TCKH ngày 31 tháng 7 năm 2024 về Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách và đối chiếu số liệu thu, chi dịch vụ, thu khác năm 2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh;

Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B thông báo tổ chức niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023.

- Thời gian niêm yết: niêm yết công khai liên tục từ ngày 12/08/2024 đến ngày 11/09/2024.

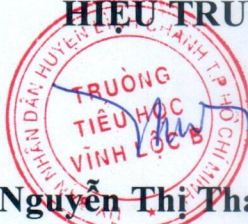
- Thành phần hồ sơ niêm yết: Quyết định số: 397/QĐ-VLB ngày 12 tháng 08 năm 2024 của trường Tiểu học Vĩnh Lộc B về công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023.

- Địa điểm niêm yết: tại bảng công khai tài chính trường Tiểu học Vĩnh Lộc B.

Trên đây là Thông báo của trường Tiểu học Vĩnh Lộc B./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Số: 397/QĐ-VLB

Bình Chánh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 13339/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông báo số: 2340/TB-TCKH ngày 31 tháng 7 năm 2024 về Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách và đối chiếu số liệu thu, chi dịch vụ, thu khác năm 2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh;

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B, chi tiết tại các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 397/QĐ-VLB ngày 12/08/2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

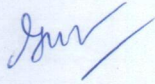
Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	6.997	6.997	-	
I	Số thu phí, lệ phí	6.997	6.997	-	
1	Lệ phí			-	
	Lệ phí...			-	
	Lệ phí...			-	
2	Phí	-	-	-	
	Phí tuyển dụng viên chức	-	-	-	
	Phí ...			-	
3	Thu sự nghiệp	6.997	6.997	-	
3.1	Thu học phí	-	-	-	
3.2	Thu thỏa thuận	3.720	3.720	-	
	2 Buổi/ ngày	-	-	-	
	Tiếng Anh Tăng cường	348	348	-	
	Tin học IC3	42	42	-	
	Tiếng anh bản ngữ	1.208	1.208	-	
	Tin học	257	257	-	
	Phục vụ bán trú	420	420	-	
	Vệ sinh phí BT	40	40	-	
	TBVD bán trú	103	103	-	
	Bơi lội	34	34	-	
	Kỹ năng sống	1.267	1.267	-	
3.3	Thu hộ	3.277	3.277	-	
	Ăn trưa	1.409	1.409	-	
	Sữa học đường	-	-	-	
	Nước Uống	163	163	-	
	Giấy thi	35	35	-	
	Học bạ	6	6	-	
	Sổ liên lạc	-	-	-	
	BHYT	1.164	1.164	-	
	CSSK ban đầu	76	76	-	
	BHTN	81	81	-	
	Học phẩm-Phù Hiệu	30	30	-	
	SLL điện tử	241	241	-	
	Thù lao BHYT	-	-	-	
	Thai sản	-	-	-	
	Khuyến học	-	-	-	
	CMHS	-	-	-	
	Cơ sở vật chất	-	-	-	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Tài trợ	-	-		
	BHTN BHXH cấp	-	-		
	Khám sức khỏe học sinh	42	42		
	TK 3388	31	31		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	6.914	6.914	-	
1	Chi sự nghiệp giáo dục	6.914	6.914	-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.914	6.914	-	
a.1	Chi học phí	-	-	-	
a.2	Chi thỏa thuận	3.591	3.591	-	
	Tiếng Anh Tăng cường	337	337	-	
	Tin học IC3	39	39	-	
	Tiếng anh bản ngữ	1.179	1.179	-	
	Tin học	245	245	-	
	Phục vụ bán trú	398	398	-	
	Vệ sinh phí BT	29	29	-	
	TBVD bán trú	95	95	-	
	Bồi lợi	31	31	-	
	Kỹ năng sống	1.236	1.236	-	
a.3	Chi hộ	3.323	3.323	-	
	Ăn trưa	1.400	1.400	-	
	Sữa học đường	-	-	-	
	Nước Uống	162	162	-	
	Giấy thi	26	26	-	
	Học bạ	5	5	-	
	Sổ liên lạc	-	-	-	
	BHYT	1.172	1.172	-	
	CSSK ban đầu	66	66	-	
	BHTN	83	83	-	
	Học phẩm-Phù Hiệu	31	31	-	
	SLL điện tử	241	241	-	
	Thù lao BHYT	-	-	-	
	Thai sản	-	-	-	
	Khuyến học	-	-	-	
	CMHS	10	10	-	
	Cơ sở vật chất	-	-	-	
	Tài trợ	89	89	-	
	BHTN BHXH cấp	-	-	-	
	Khám sức khỏe học sinh	1	1	-	
	TK 3388	36	36	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	
1	Lệ phí	-	-	-	
	Lệ phí...	-	-	-	
	Lệ phí...	-	-	-	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
2	Phí	-	-	-	
	Phí ...	-	-	-	
	Phí ...	-	-	-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	12.922	12.922	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.922	12.922	-	
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	-	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	-	-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-	-	-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	-	-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	-	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.922	12.922	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.221	12.221	-	
6001	Lương theo ngạch, bậc	3.576	3.576		
6101	Phụ cấp chức vụ	66	66		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	2	2		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.256	1.256		
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	18	18		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp	394	394		
6301	Bảo hiểm xã hội	715	715		
6302	Bảo hiểm y tế	123	123		
6303	Kinh phí công đoàn	81	81		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	41	41		
6449	Chi khác	3.606	3.606		
6501	Tiền điện	138	138		
6502	Tiền nước	94	94		
6503	Tiền nhiên liệu	11	11		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	27	27		
6551	văn phòng phẩm	80	80		
6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	33	33		
6599	Vật tư văn phòng khác	29	29		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền	21	21		
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo,	2	2		
6757	Thuê lao động trong nước	505	505		
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	72	72		
6799	Chi phí thuê mướn khác	571	571		
6907	Nhà cửa	37	37		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	16	16		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	32	32		
6921	Đường điện, cấp thoát nước	38	38		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	65	65		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	67	67		
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	6	6		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	62	62		
7049	Chi khác	415	415		
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	7	7		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	10	10		
7799	Chi các khoản khác	5	5		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	701	701		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	265	265		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	72	72		
6149	Phụ cấp khác	44	44		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	9	9		
6449	Chi khác	115	115		
6799	Chi phí thuê mướn khác	4	4		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	191	191		

Kế toán



Nguyễn Thị Ngọc Thi

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thanh Xuân